

veil nghĩa là gì, định nghĩa, các sử dụng và ví dụ trong Tiếng Anh. Cách phát âm veil giọng bản ngữ. Từ đồng nghĩa, trái nghĩa của veil.

Bạn đang xem: Veil là gì

Từ điển Anh Việt

veil

/veil/

\* danh từ

mạng che mặt

to raise the veil: nâng mạng che mặt lên

to drop the veil: bỏ mạng che mặt xuống

trướng, màn

the veil of the temple: bức trướng của ngôi đền

a veil of cloud: màn mây

a veil of mist: màn sương

the veil of night: màn đêm

bê ngoài giả dối, lốt

under the veil of religion: đột lốt tôn giáo

tiếng khàn, tiếng khản (do bị cảm lạnh...)

(như) velum

beyond the veil

ở thế giới bên kia, ở âm phủ

to take the veil

đi tu

\* ngoại động từ

che mạng

to veil one's face: che mặt bằng mạng

che, ám, phủ

a cloud veiled the sun: một đám mây che mặt trời

che đậy, che giấu, giấu kín

to veil one's purpose: che đậy mục đích của mình

to be veiled in mystery: bị giấu kín trong màn bí mật

Từ điển Anh Anh – Wordnet

Enbrai: Học từ vựng Tiếng Anh

9,0 MB

Học từ mới mỗi ngày, luyện nghe, ôn tập và kiểm tra.

Từ điển Anh Việt offline

39 MB

Tích hợp từ điển Anh Việt, Anh Anh và Việt Anh với tổng cộng 590.000 từ.

Xem thêm: Trạm Phát Sóng Bts Là Gì – Tìm Hiểu Về Trạm Bts Trong Viễn Thông

Từ liên quan

Hướng dẫn cách tra cứu

Sử dụng phím tắt

Sử dụng phím

Xem thêm: Nấu Cơm Bằng Bếp Ga S Ngon, Nhanh Chín, Mẹo Nấu Cơm Ngon Bằng Bếp Ga

Lưu ý

Nếu nhập từ khóa quá ngắn bạn sẽ không nhìn thấy từ bạn muốn tìm trong danh sách gợi ý, khi đó bạn hãy nhập thêm các chữ tiếp theo để hiện ra từ chính xác.

[Privacy Policy](#)[|](#)[Google Play](#)[|](#)[Facebook](#)[|](#)[Top](#) ↑

Chuyên mục: [Hỏi Đáp](#)

XEM THÊM: <https://cauthu.top/>

Bài viết [Veil Là Gì – Nghĩa Của Từ Veil, Từ](#) đã xuất hiện đầu tiên vào ngày [CAUTHU.TOP](#).

via CAUTHU.TOP <https://cauthu.top/veil-la-gi-nghia-cua-tu-veil-tu/>